

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về tổ chức, hoạt động và phân loại
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày
17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều
26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ
Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ
Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31
tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 126/TTr-SNV
ngày 13 tháng 5 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức, hoạt động và phân loại của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 2365/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 2365/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Quyết định số 1330/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (L).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Hải

QUY CHẾ

**Về tổ chức, hoạt động và phân loại của thôn,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6
năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, làng, bản (gọi chung là thôn); tiểu khu, tổ nhân dân, tổ dân phố (gọi chung là tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

Mỗi thôn hoặc tổ dân phố có: Trưởng thôn đối với thôn, Tổ trưởng đối với tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình

a) Đối với thôn: Phải có từ 150 hộ gia đình trở lên.

b) Đối với tổ dân phố: Phải có từ 200 hộ gia đình trở lên.

2. Các điều kiện khác

Thôn và tổ dân phố cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

3. Đối với trường hợp đặc thù

a) Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, thôn hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ.

Chương III

PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 7. Phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm 03 loại sau:

1. Đối với thôn

- a) Thôn loại III dưới 100 hộ gia đình;
- b) Thôn loại II từ 100 hộ đến dưới 150 hộ gia đình;
- c) Thôn loại I từ 150 hộ gia đình trở lên.

2. Đối với tổ dân phố

- a) Tổ dân phố loại III dưới 150 hộ gia đình;
- b) Tổ dân phố loại II từ 150 đến dưới 200 hộ gia đình;
- c) Tổ dân phố loại I từ 200 hộ gia đình trở lên.

Chương IV

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 8. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

- 1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là 05 năm (60 tháng).
- 2. Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn

không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

Điều 9. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng và chế độ bảo hiểm y tế theo các quy định hiện hành.

2. Được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết theo quy định; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy vào mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

b) Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ và Quy chế về tổ chức và hoạt động và phân loại của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Sở Nội vụ

a) Thẩm định về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; sáp nhập, giải thể thôn, tổ dân phố hiện có để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

c) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ và Quy chế này.

3. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua.

b) Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

c) Báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn với Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm (qua phòng Nội vụ).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



